

MỘT SỐ TRAO ĐỔI XUNG QUANH KHÁI NIỆM NÔNG DÂN - XU THẾ NÔNG DÂN TRONG THỜI ĐẠI MỚI

NCS Nguyễn Thị Thu Thoa

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là đất nước có một nền nông nghiệp truyền thống lâu đời với hơn 70% dân số làm nông nghiệp. Vì thế, dù ở thời kỳ nào, người nông dân, nông thôn và kinh tế nông nghiệp cũng có một vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển chung của đất nước. Nông dân, nông nghiệp, nông thôn là chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học. Trong bài viết này chúng tôi muốn đi qua khái niệm về nông dân của một số học giả và sự phát triển – xu thế nông dân Việt nam trong thời đại mới.

1. NHỮNG KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU VỀ NÔNG DÂN

Các nhà nghiên cứu về nông thôn và nông dân trên thế giới vào đầu thập niên 1950 đã đưa ra một sự phân biệt quan trọng giữa ba khái niệm: người sơ khai (*primitive*), người nông dân (*peasant*), nhà nông hay nông gia (*farmer*). Trong tác phẩm “*các cuộc chiến tranh nông dân thế kỷ XX*” Eric Wolf đã viết về Việt Nam, và ông phân tích kinh tế nông dân như là cội nguồn của các phong trào xã hội và các cuộc chiến tranh nổi dậy.

Robert Redfield và Eric Wolf, cho rằng “*người sơ khai*” là người sống hoàn toàn tự cấp tự túc trong những cộng đồng biệt lập với thế giới bên ngoài; còn “*nông dân*” là những người tuy có sản xuất hàng hóa nhưng chưa thoát hẳn ra khỏi tình trạng tự cấp tự túc và sống trong những cộng đồng nông thôn có mối liên hệ với thành thị; cuối cùng “*nhà nông hay nông gia*” là những người có mức độ sản xuất hàng hóa cao theo nhu cầu của thị trường, coi ruộng đất là hàng hóa, biết tái đầu tư vào nông nghiệp, và không còn sống phụ thuộc vào một cộng đồng địa phương [1]. Nông nghiệp và kinh tế tự cung cấp là yếu tố cơ bản khi thao tác hóa khái niệm nông dân. Cấu trúc xã hội thay đổi, người nông dân có những hoạt động phi nông nghiệp, nông dân phải là người sản xuất nông nghiệp.

Robert Redfield cho rằng nông dân là người coi “*nông nghiệp như một phương thức sinh nhai và như một lối sống, chứ không phải như một doanh nghiệp nhằm mục tiêu lợi nhuận*” [2]. Nông dân hoàn toàn phụ thuộc vào nông nghiệp, đó là một lối sống và tìm kiếm cách thức sinh tồn. Một tác giả khác, Theo dore Schultz cho rằng nền nông nghiệp ở các nước trên thế giới có thể phân làm hai loại: một là nền nông nghiệp “*cổ truyền*” (*traditional agriculture*); hai là nền nông nghiệp hiện đại trong đó người nông dân duy lý biết cách phản ứng với thị trường và coi việc canh tác như một sự đầu tư nhằm đến hiệu quả kinh tế [3]. Đối với nền nông nghiệp cổ truyền thì người nông dân chỉ sản xuất vừa đủ ăn và làm không có hiệu quả kinh tế vì phụ thuộc vào truyền thống canh tác có từ lâu đời nên còn nền nông nghiệp hiện đại thì người nông dân biết cách phản ứng với thị trường và coi việc canh tác như một sự đầu tư nhằm đến hiệu quả kinh tế.

Tác giả Samuel Popkin, trong tác phẩm *Người nông dân duy lý*, xuất bản năm 1979 [4], Popkin chọn lựa cách tiếp cận kinh tế để nghiên cứu về hoạt động cá nhân, với giả định rằng cá nhân là người có lý tính (*rationality*) và có óc tư lợi (*self-interest*). Dựa vào những khái niệm như cách chọn lựa của cá nhân (*individual choice*) và cách đi đến quyết định (*decision making*), ông đã phân tích các ứng xử kinh tế của người nông dân trong đời sống kinh tế nông nghiệp và trong sinh hoạt làng xã. Vậy người nông dân luôn gắn liền với nông hộ, bởi lẽ người nông dân không bao giờ tồn tại riêng lẻ mà luôn hoạt động với tư cách là thành viên

của một nông hộ. Eric Wolf đã nêu: “*Gia đình [nông dân] không hạch toán giá thành. Họ không biết lao động của mình có giá bao nhiêu. Đối với họ, lao động không phải là một hàng hóa; họ không bán sức lao động trong nội bộ gia đình. Không có sự trao đổi tiền tệ trong nội bộ gia đình*” [1]. Paul Samuelson từng viết về đặc trưng của nông hộ như sau: “*trong một nông hộ [family farm] điển hình (...), người nông dân không thể nào nói cho bạn biết là phần công của riêng ông ta chiếm bao nhiêu trong tổng thu nhập, và phần công của vợ con ông ta chiếm bao nhiêu*” [5, tr 459].

Vậy có thể nói nông dân gắn liền với gia đình và có thể coi đó là một đơn vị kinh tế. Tchayanov cho rằng hộ gia đình nông dân là “*một đơn vị kinh tế cơ sở, vừa là một đơn vị sản xuất, vừa là một đơn vị tiêu dùng*” [6, tr 9]. Đồng với quan điểm này tác giả Đào Thế Tuấn còn cho rằng “*trong các thể chế của xã hội, gia đình là một thể chế cơ bản nhất và vững chắc nhất*”, và hộ nông dân chính là “*trung tâm*” của hệ thống xã hội nông thôn [7, tr 28]. Ông nhấn mạnh “*việc nghiên cứu hộ gia đình càng ngày càng được chú ý vì chính các quyết định của họ đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và xã hội của một nước. (...) việc quyết định sản xuất cái gì, tiêu dùng cái gì, tiết kiệm bao nhiêu ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng*” [7].

Đối với nền nông nghiệp ở Việt nam đặc biệt đồng bằng sông Cửu long ngày nay có phải là một nền nông nghiệp hiện đại theo nghĩa của Theodore Schultz hay người nông dân đồng bằng sông Cửu long vẫn là “*nông dân*” hay đã chuyển sang thành “*nhà nông*” hay “*nông gia*” theo nghĩa của Eric Wolf?

Người nông dân vừa là chủ thể trong lĩnh vực sản xuất kinh tế vừa là chủ một gia đình. Một gia đình nông dân hiện nay không đơn giản là một đơn vị sản xuất, mà là một đơn vị tiêu dùng. Gia đình nông dân không chỉ nuôi dưỡng các thành viên mà còn cung cấp cho các thành viên những hoạt động khác. Người già được chăm sóc cho tới lúc chết. Kết hôn và các hình thức thừa kế đảm bảo tái sản xuất đơn vị gia đình cả về mặt sinh học cũng như về mặt xã hội. Trẻ con được nuôi nấng và được xã hội hóa phần lớn trong gia đình. Rất nhiều chức năng của một hệ thống xã hội đòi hỏi đóng góp lao động và bản chất của lao động này là ở chỗ nó không được trả công [8].

Nông dân luôn gắn liền về gia đình họ tức nông hộ. Nghiên cứu người nông dân phải thông qua đời sống kinh tế trong nông hộ, bởi lẽ các ứng xử của từng thành viên nông hộ phụ thuộc chủ yếu vào các đặc trưng của cả gia đình nông hộ (như nguồn lực đất đai, vốn liếng, lao động...) cũng như vào chiến lược kinh tế của từng gia đình nông hộ.

2. XU HƯỚNG NÔNG DÂN TRONG THỜI ĐẠI HIỆN ĐẠI HÓA – CÔNG NGHIỆP HÓA

Nông nghiệp Việt Nam trong thập niên 1980 được đánh dấu bằng các chính sách cải cách trong nông nghiệp. Đầu tiên là khoán 100 (Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, năm 1981), tiếp đó là khoán 10 về “*đổi mới quản lý nông nghiệp*” (Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, ban hành tháng 4/1988), theo đó ruộng đất từng bước được giao cho người dân quản lý. Nội dung quan trọng nhất của khoán 10 là thừa nhận hộ nông dân là đơn vị tự chủ trong sản xuất nông nghiệp, khôi phục lại vị thế lâu nay của kinh tế hộ gia đình, vốn gần như bị xóa bỏ trong suốt 30 năm tập thể hóa nông nghiệp. Với khoán 10, người nông dân được giao quyền sử dụng đất từ 10 năm đến 15 năm. Nông dân được tự do bán lại phần nông sản vượt ra ngoài sản lượng khoán. Chỉ trong một thời gian tương đối ngắn, kinh tế nông thôn đã

chuyển biến mạnh về mặt thể chế: từ việc phổ biến các hợp tác xã nông nghiệp với hệ thống kiểm soát chặt chẽ sang hình thức kinh tế thị trường tự do.

Các cuộc cải cách tiến hành trong bối cảnh quá độ từ một nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế dựa trên các quan hệ thị trường mang lại nhiều cơ hội và cũng đầy thách thức đối với nông dân. Không ít khó khăn đang đặt ra trước sự phát triển nông nghiệp và nông thôn hiện nay ở Việt Nam. Lợi ích kinh tế của các tác nhân phát triển tham gia vào hệ thống kinh tế xã hội ngày càng trở nên khác biệt, thậm chí trở nên xung đột nhau. Bất bình đẳng tăng nhanh và có nguy cơ dẫn tới những bất ổn xã hội, nếu không có những cam kết chính trị thực sự hữu hiệu.

Các nguồn lực sản xuất trong nông nghiệp đã đạt đến giới hạn của nó. Đất đai ngày càng giảm về diện tích và chất lượng đất kém. Thêm vào đó, nguồn nước cung cấp cho nông nghiệp không ổn định do hiện tượng biến đổi khí hậu. Chi phí đầu vào nông nghiệp ngày càng tăng so với giá đầu ra của sản phẩm nông nghiệp khiến giá trị thu nhập của nông dân bị giảm sút. Thêm vào đó là các lý do liên quan tới tỷ giá khiến cho giá thành sản phẩm nông nghiệp cao lên, hiệu quả sản xuất và tính cạnh tranh của nông phẩm yếu đi. Với diện tích đất nông nghiệp trên đầu người thấp và lực lượng lao động nông nghiệp đông đảo thì việc tiếp tục mở rộng nghề nông sẽ không tạo ra cơ hội việc làm có thu nhập. Trong khi đó, nếu mô hình phát triển sắp tới chủ yếu dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao, thì có lẽ thách thức lớn nhất của nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sẽ là vấn đề giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nông thôn.

Sau năm 1986, Việt Nam lại đứng trước nhiều câu hỏi về sự phát triển nông nghiệp và xã hội nông thôn. Những tác động tích cực từ các chính sách phát triển đã phát huy hết tác dụng, cần tìm ra động lực mới, các giải pháp mới cho phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Tiếp đó, những cải cách pháp lý tiếp tục ra đời đã hỗ trợ sự phát triển của thị trường đất đai. Luật Đất đai năm 1993, 2003, 2013 đã trao cho hộ nông dân quyền sử dụng ruộng đất lâu dài với 5 quyền - quyền chuyển nhượng, quyền chuyển đổi, quyền cho thuê, quyền thừa kế và quyền thế chấp. Luật Đất đai sửa đổi năm 1998, năm 2000, năm 2003 và đặc biệt Luật Đất đai năm 2013 tiếp tục cải cách chính sách về đất đai trên cơ sở giao quyền sử dụng đất cho các cá nhân và hộ gia đình. Luật Đất đai đã tạo cho người sử dụng đất môi trường tự do lựa chọn cây trồng trên phần đất được giao. Đất vẫn thuộc sở hữu nhà nước, nhưng quyền của người sử dụng đất mở rộng dần: đất đai có thể chuyển nhượng, trao đổi, cho, tặng, thừa kế, thế chấp, cho thuê, đi thuê, và góp vốn đầu tư.

Quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn, trong đó có đất đai. Việc thu hồi một phần lớn diện tích đất nông nghiệp của người dân để đầu tư xây dựng các khu, cụm công nghiệp; trung tâm thương mại - du lịch - dịch vụ; các khu đô thị; hạ tầng giao thông; sân golf... đã làm cho người dân không còn nhiều đất để sản xuất nông nghiệp và không có việc làm sau khi bị thu hồi đất để ổn định cuộc sống. Nhiều gia đình nông dân rời bỏ nông thôn, nông nghiệp đi tìm kiếm các khoản thu nhập phi nông nghiệp tại các vùng nông thôn và đô thị. Vô số các vấn đề xã hội đã xuất hiện: tình trạng bất bình đẳng giữa thành thị và nông thôn, sự phân hóa của nông dân, tình trạng bỏ ruộng đất và các cuộc di cư...

Chính sách đất đai không thống nhất và việc thực thi chính sách thiếu minh bạch gây nên tình trạng thu hồi đất, giải tỏa đất diễn ra phổ biến ở nhiều nơi. Điều này đã phá vỡ tính

yên bình và không gian cộng đồng nông thôn khi xuất hiện ngày càng nhiều và mức độ nghiêm trọng tăng lên của khiếu kiện, xung đột đất đai. Thậm chí nhiều nơi đã tạo nên làn sóng xung đột xã hội là nguồn của những bất ổn khó điều hòa của xã hội nông thôn. Thực tế đó cho thấy, đây không đơn giản là sự mâu thuẫn lợi ích, quyền lợi, hay sự thiếu tính minh bạch của chính sách mà sâu xa hơn đó còn là sự xung đột giữa *cấu trúc xã hội tiểu nông truyền thống* với *cấu trúc xã hội hiện đại của nền kinh tế thị trường*.

Nghị quyết TW 5 Đại hội IX về “*đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 – 2010*” đã nhấn mạnh “... *ra sức bồi dưỡng sức dân ở nông thôn và phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong sự nghiệp đổi mới, tập trung sự chỉ đạo và tạo các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển nông thôn toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hóa, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội, phát huy lợi thế từng vùng, giúp đỡ vùng khó khăn, phân bố dân cư theo quy hoạch, phát triển ngành nghề, giải quyết công ăn, việc làm, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới*”...

Đại hội X của Đảng khẳng định: “*nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước*”. Có thể khẳng định: *thiếu sự tham gia của nông dân thì quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước không bao giờ thành công*.

Trong định hướng chiến lược phát triển đến năm 2020 Việt Nam mong muốn trở thành một nước công nghiệp, đặc biệt khu vực phía Nam có một vai trò quan trọng vì đây là một vùng kinh tế lớn trong cả nước. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam được xác định về mặt cơ cấu kinh tế với đặc trưng “*công nghiệp phải là lĩnh vực trọng yếu*” [9] với nhiệm vụ là “*vùng kinh tế động lực của cả nước*”, “*đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước (...), đi đầu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế*”. Vùng châu thổ sông Cửu Long là “*vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thủy sản, hoa quả của cả nước, góp phần quan trọng vào an ninh lương thực quốc gia, đóng góp lớn vào xuất khẩu nông, thủy sản của cả nước*” [10].

Năm 2012, châu thổ sông Cửu Long sản xuất 24,3 triệu tấn lúa, chiếm tỷ lệ 56% trong tổng sản lượng 43,6 triệu tấn lúa của cả nước [11]. Vùng châu thổ này làm ra 90% sản lượng gạo xuất khẩu và hơn 94% kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước, 70% sản lượng cây ăn trái, 72% sản lượng thủy sản (chủ yếu là tôm và cá tra) và 75% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước [12].

3. KẾT LUẬN

Việc sử dụng khái niệm, phân loại về nông dân không chỉ phụ thuộc vào bản chất xã hội của cộng đồng dân cư đó mà đôi khi chịu ảnh hưởng nặng nề của những thành kiến các tầng lớp của xã hội hay thậm chí của chính các nhà nghiên cứu. Cư dân sống trong xã hội không chỉ đơn thuần là nông dân mà còn có cả những người làm doanh nghiệp, buôn bán, lao động làm thuê, cán bộ nghỉ hưu và thậm chí là những người thành phố tìm cách về nông thôn sinh sống. Người dân nông thôn ngày nay cũng phát triển một mạng lưới thương mại xuyên vùng, xuyên khu vực và thậm chí là xuyên quốc gia. Sự năng động, nhạy bén xã hội giúp cho họ tiếp cận thị trường bên ngoài ngày càng rộng lớn hơn. Nghiên cứu xã hội nông dân - nông

thôn, sự chuyển đổi nông nghiệp, nông thôn hay mối quan hệ giữa nông thôn – thành thị, cần có những nghiên cứu sâu hơn về sự năng động kinh tế - xã hội của các nhóm cư dân sinh sống trong các cộng đồng nông thôn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Eric Wolf, “Types of Latin American Peasantry: A Preliminary Discussion”, *American Anthropologist*, Vol. 57, No. 3, 6-1955, tr. 455.
- [2]. Robert Redfield, *The Little Community and Peasant Society and Culture* (1956), Chicago, The University of Chicago Press, Midway Reprint edition, 1989, pp. 18-19.
- [3]. Theodore Schultz, *Transforming Traditional Agriculture*, New Haven and London, Yale University Press, 1964.
- [4]. Samuel L. Popkin, *The Rational Peasant. The Political Economy of Rural Society in Vietnam*, Berkeley, University of California Press, 1979.
- [5]. Paul A. Samuelson, *Economics: An Introductory Analysis*, New York, McGraw-Hill, 1948, p. 761, dẫn lại theo Eric R. Wolf, bài đã dẫn, tr. 459.
- [6]. Đào Thế Tuấn, “Kinh tế học gia đình”, *Tạp chí Xã hội học*, số 1 (49), 1995, tr. 9.
- [7]. Đào Thế Tuấn, “Xã hội nông thôn và các vấn đề của nông nghiệp trong thời kỳ hiện nay”, *Tạp chí Xã hội học*, số 2 (66), 1999, tr. 27.
- [8]. Bùi Quang Dũng, Từ khái niệm “Nông dân” tới “Xã hội tiểu nông” ở Việt nam: Dẫn vào một nghiên cứu về phát triển nông thôn. *Tạp chí Xã hội học* số 4 – 2012.